HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 218/NQ-HĐND	*Thanh Hoá, ngày 13 tháng 4 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT

Về việc quyết định phân bổ kế hoạch chi tiết nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương năm 2022 để thực hiện các nhiệm vụ cấp bách và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch năm 2022; điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022 của tỉnh Thanh Hóa

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội: Nghị quyết số 34/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; Nghị quyết số 40/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 về phân bổ ngân sách Trung ương năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 2048/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thanh Hóa; Nghị quyết số 180/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 về Kế hoạch đầu tư công năm 2022 tỉnh Thanh Hóa;

Xét Tờ trình số 48/TTr-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị quyết định phân bổ kế hoạch chi tiết nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương năm 2022 để thực hiện các nhiệm vụ cấp bách và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch năm 2022 và điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022 của tỉnh Thanh Hóa; Báo cáo số 171/BC-HĐND ngày 10 tháng 4 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh thẩm tra dự thảo nghị quyết về việc quyết định phân bổ kế hoạch chi tiết nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương năm 2022 để thực hiện các nhiệm vụ cấp bách và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch năm 2022 và điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022 của tỉnh Thanh Hóa; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định phân bổ kế hoạch chi tiết vốn năm 2022 để thực hiện các nhiệm vụ cấp bách và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch năm 2022

1. Tổng số vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương năm 2022 bố trí thực hiện các nhiệm vụ cấp bách và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch năm 2022: 150.000 triệu đồng.

2. Số vốn phân bổ chi tiết là: 150.000 triệu đồng.

3. Nguồn vốn: Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương năm 2022 (trong đó vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất là 100.000 triệu đồng, chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước là 50.000 triệu đồng) tại Nghị quyết số 180/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công năm 2022 tỉnh Thanh Hóa.

(Chi tiết có Phụ lục I kèm theo)

Điều 2. Quyết định điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022 của các dự án

1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn năm 2022 của 30 dự án khởi công mới và nhiệm vụ chi bồi thường giải phóng mặt bằng, đầu tư hạ tầng đối với các dự án khai thác quỹ đất do tỉnh quản lý, với số vốn 520.419 triệu đồng, trong đó: vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh là 284.919 triệu đồng, vốn xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước là 235.500 triệu đồng.

2. Số vốn điều chỉnh giảm nêu trên, bố trí cho 02 dự án trọng điểm, cụ thể:

- Dự án đường từ trung tâm thành phố Thanh Hóa nối với đường giao thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn: 284.919 triệu đồng.

- Dự án đường nối Quốc lộ 1 với Quốc lộ 45 đoạn từ xã Hoằng Xuân, huyện Hoằng Hóa đến xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa (Km5+250 - Km14+603): 235.500 triệu đồng.

3. Nguồn vốn: Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương năm 2022 (trong đó vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất là 284.919 triệu đồng, chi xây

dựng cơ bản vốn tập trung trong nước là 235.500 triệu đồng) tại Nghị quyết số 180/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công năm 2022 tỉnh Thanh Hóa.

(Chi tiết có Phụ lục II kèm theo)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh :

1. Căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật, tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư.

2. Giao kế hoạch chi tiết và điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022 cho các chủ đầu tư thực hiện đảm bảo quy định; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện, định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khoá XVIII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 13 tháng 4 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TTr HĐND; UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Đỗ Trọng Hưng

Phụ lục I: Chi tiết kế hoạch vốn thực hiện các nhiệm vụ cấp bách và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch năm 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 218/NQ-HĐND ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí từ khi khởi công dự án đến hết năm 2021		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2021		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán)									
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG SỐ		**3.020.273**	**2.710.136**	**1.074.364**	**1.042.976**	**1.945.909**	**1.667.160**	**1.503.189**	**150.000**		
A	**ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐIỀU TIẾT VỀ NGÂN SÁCH TỈNH**		**1.484.970**	**1.484.970**	**702.675**	**702.675**	**782.295**	**782.295**	**720.000**	**100.000**		
I	**Bố trí cho các nhiệm vụ cấp bách**		**1.484.970**	**1.484.970**	**702.675**	**702.675**	**782.295**	**782.295**	**720.000**	**100.000**		
*	***Dự án hoàn thành sau năm 2022***		***1.484.970***	***1.484.970***	***702.675***	***702.675***	***782.295***	***782.295***	***720.000***	***100.000***		
1	Đường từ trung tâm thành phố Thanh Hóa nối với đường giao thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn.	865/QĐ-UBND ngày 09/3/2018; 4599/QĐ-UBND ngày 05/11/2019; 5441/QĐ-UBND ngày 23/12/2019	1.484.970	1.484.970	702.675	702.675	782.295	782.295	720.000	100.000	Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa	
B	**CHI XÂY DỰNG CƠ BẢN VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC**		**1.535.303**	**1.225.166**	**371.689**	**340.301**	**1.163.614**	**884.865**	**783.189**	**50.000**		
I	**Bố trí vốn để thực hiện các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch năm 2022**		**1.535.303**	**1.225.166**	**371.689**	**340.301**	**1.163.614**	**884.865**	**783.189**	**50.000**		
a	***Dự án hoàn thành có quyết toán được duyệt***		***418.338***	***386.950***	***364.639***	***333.251***	***53.699***	***53.699***	***81.189***	***33.388***		
1	Tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa Nghè Vẹt, xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc	422/QĐ-UBND ngày 25/01/2022	33.054	23.854	30.694	21.494	2.360	2.360	7.589	2.360	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa	
2	Nâng cấp, cải tạo đường Mỹ Tân - Cao Ngọc - Vân Am, huyện Ngọc Lặc nối tiếp với xã Giao Thiện, huyện Lang Chánh.	83/QĐ-UBND ngày 05/01/2022	119.359	116.967	99.892	97.500	19.467	19.467	13.000	8.000	UBND huyện Ngọc Lặc	
3	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 515 Ba Chè - Thiệu Toán - Hạnh Phúc.	4765/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	116.844	116.844	96.000	96.000	20.844	20.844	33.000	12.000	Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa	
4	Đường trục chính trung tâm thị trấn Vĩnh Lộc nối QL.217 với QL.45 huyện Vĩnh Lộc.	322/QĐ-UBND ngày 19/01/2022	149.081	129.285	138.053	118.257	11.028	11.028	27.600	11.028	UBND huyện Vĩnh Lộc	
b	***Dự án hoàn thành sau năm 2022***		***1.116.965***	***838.216***	***7.050***	***7.050***	***1.109.915***	***831.166***	***702.000***	***16.612***		
1	Đường nối Quốc lộ 1 với Quốc lộ 45 đoạn từ xã Hoằng Xuân, huyện Hoằng Hóa đến xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa (Km5+250-Km14+603).	308/NQ-HĐND ngày 21/9/2020; 76/NQ-HĐND ngày 17/7/2021; 3627/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	1.116.965	838.216	7.050	7.050	1.109.915	831.166	702.000	16.612	Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thiệu Hóa	

Phụ lục II: Chi tiết điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022 do tỉnh quản lý

(Kèm theo Nghị quyết số 218/NQ-HĐND ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư; quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022			Số vốn năm 2022 điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2022 sau khi điều chỉnh			Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó: Vốn đầu tư công do tỉnh quản lý			Tổng số	*Trong đó:*		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Tổng số	*Trong đó:*			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:* Vốn ngân sách tỉnh		*Trong đó:* Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất (Điều tiết về ngân sách tỉnh)	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước			Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất (Điều tiết về ngân sách tỉnh)	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước				Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất (Điều tiết về ngân sách tỉnh)	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	TỔNG SỐ		8.709.809	5.345.937	4.260.500	2.289.789	1.970.711	726.175	853.950	616.000	237.950	520.419	520.419	853.950	616.000	237.950		
A	CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH NĂM 2022		6.107.874	3.022.751	2.838.500	1.257.789	1.580.711	16.450	561.500	326.000	235.500	520.419		41.081	41.081			
A.1	CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2022		6.107.874	3.022.751	2.338.500	757.789	1.580.711	16.450	361.500	126.000	235.500	361.500						
I	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Khu vực Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa		114.000	114.000	91.200	91.200		500	10.000	10.000		10.000						
1	Xây dựng kéo dài kênh thoát nước làm mát của Nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn.	133/NQ-HĐND ngày 13/12/2018; 148/NQ-HĐND ngày 11/10/2021	114.000	114.000	91.200	91.200		500	10.000	10.000		10.000					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Khu vực Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa	
II	Công an tỉnh Thanh Hóa		113.184	113.184	100.000		100.000	1.000	10.000		10.000	10.000						
1	Xây dựng trụ sở làm việc cho Công an xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn thuộc Công an tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2025.	NQ 197/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; điều chỉnh CTĐT tại NQ 240/NQ-HĐND ngày 13/4/2022	113.184	113.184	100.000		100.000	1.000	10.000		10.000	10.000					Công an tỉnh Thanh Hóa	
III	Thành phố Thanh Hóa		1.020.000	450.000	360.000	306.539	53.461	1.000	66.000	66.000		66.000						
1	Mở rộng đại lộ Lê Lợi, đoạn từ ngã tư Phú Sơn đến cầu Đống, TP Thanh Hóa.	82/NQ-HĐND ngày 17/7/2021	1.020.000	450.000	360.000	306.539	53.461	1.000	66.000	66.000		66.000					Ban Giải phóng mặt bằng và Tái định cư thành phố Thanh Hóa	
IV	Thành phố Sầm Sơn		1.517.000	396.550	341.550	240.550	101.000	1.000	42.000	35.000	7.000	42.000						
1	Tuyến đường 4C, thành phố Sầm Sơn (đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường vành đai phía Nam).	72/NQ-HĐND ngày 17/7/2021	605.000	93.916	93.916	93.416	500	500	15.000	15.000		15.000					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Sầm Sơn	
2	Tuyến đường trục cảnh quan Thanh Hóa - Sầm Sơn, thành phố Sầm Sơn (đoạn từ Quốc lộ 10 đến đường 4C).	73/NQ-HĐND ngày 17/7/2021	632.000	147.634	147.634	147.134	500	500	20.000	20.000		20.000					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Sầm Sơn	
3	Xử lý triệt để môi trường bãi rác tại phường Trung Sơn, thành phố Sầm Sơn.	376/NQ-HĐND ngày 06/12/2020	280.000	155.000	100.000		100.000		7.000		7.000	7.000					UBND thành phố Sầm Sơn	
V	Thị xã Bỉm Sơn		268.630	85.050	85.050		85.050	500	7.000		7.000	7.000						

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư; quyết định đầu tư: Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định chủ trương đầu tư; quyết định đầu tư: Tổng mức đầu tư: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Quyết định chủ trương đầu tư; quyết định đầu tư: Tổng mức đầu tư: *Trong đó:* Vốn ngân sách tỉnh	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025: Tổng số	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025: Trong đó: Vốn đầu tư công do tỉnh quản lý: *Trong đó:* Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất (Điều tiết về ngân sách tỉnh)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025: Trong đó: Vốn đầu tư công do tỉnh quản lý: *Trong đó:* Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022: Tổng số	Kế hoạch vốn năm 2022: *Trong đó:* Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất (Điều tiết về ngân sách tỉnh)	Kế hoạch vốn năm 2022: *Trong đó:* Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Số vốn năm 2022 điều chỉnh: Điều chỉnh giảm	Số vốn năm 2022 điều chỉnh: Điều chỉnh tăng	Kế hoạch vốn năm 2022 sau khi điều chỉnh: Tổng số	Kế hoạch vốn năm 2022 sau khi điều chỉnh: *Trong đó:* Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất (Điều tiết về ngân sách tỉnh)	Kế hoạch vốn năm 2022 sau khi điều chỉnh: *Trong đó:* Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Chủ đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Đầu tư xây dựng và nâng cấp đê Tam Điệp và cầu Hà Lan, thị xã Bỉm Sơn.	88/NQ-HĐND ngày 17/7/2021	268.630	85.050	85.050		85.050	500	7.000		7.000	7.000					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã Bỉm Sơn	
VI	**Huyện Triệu Sơn**		**187.000**	**100.000**	**70.000**		**70.000**	**500**	**12.000**		**12.000**	**12.000**						
1	Đường kết nối Quốc lộ 47C với đường từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn, đoạn từ Quốc lộ 47 - Tỉnh lộ 514, huyện Triệu Sơn.	61/NQ-HĐND ngày 17/7/2021	187.000	100.000	70.000		70.000	500	12.000		12.000	12.000					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Triệu Sơn	
VII	**Huyện Đông Sơn**		**300.000**	**150.000**	**90.000**		**90.000**	**1.000**	**20.000**		**20.000**	**20.000**						
1	Đường giao thông từ xã Đông Ninh đi xã Đông Khê, huyện Đông Sơn.	67/NQ-HĐND ngày 17/7/2021	140.000	90.000	72.000		72.000	500	10.000		10.000	10.000					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đông Sơn	
2	Đường giao thông từ xã Đông Nam đến đường vành đai phía Tây thành phố Thanh Hóa tại xã Đông Quang, huyện Đông Sơn.	66/NQ-HĐND ngày 17/7/2021	160.000	60.000	18.000		18.000	500	10.000		10.000	10.000					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đông Sơn	
VIII	**Huyện Thiệu Hóa**		**155.000**	**62.000**	**49.600**		**49.600**	**500**	**5.000**		**5.000**	**5.000**						
1	Đường giao thông Nam sông Chu, đoạn từ xã Thiệu Vận đi xã Minh Tâm, huyện Thiệu Hóa.	65/NQ-HĐND ngày 17/7/2021	155.000	62.000	49.600		49.600	500	5.000		5.000	5.000					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thiệu Hóa	
IX	**Huyện Nông Cống**		**110.000**	**45.000**	**36.000**		**36.000**	**500**	**7.000**		**7.000**	**7.000**						
1	Xây dựng cầu Ngọc Lẫm 2, xã Trường Giang, huyện Nông Cống.	32/NQ-HĐND ngày 17/7/2021	110.000	45.000	36.000		36.000	500	7.000		7.000	7.000					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nông Cống	
X	**Huyện Thọ Xuân**		**176.000**	**50.000**	**40.000**		**40.000**	**500**	**7.500**		**7.500**	**7.500**						
1	Tuyến đường nối Quốc lộ 47 với Quốc lộ 47C, huyện Thọ Xuân (Giai đoạn 1).	58/NQ-HĐND ngày 17/7/2021	176.000	50.000	40.000		40.000	500	7.500		7.500	7.500					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thọ Xuân	
XI	**Huyện Nga Sơn**		**261.800**	**152.625**	**116.300**		**116.300**	**1.000**	**10.000**		**10.000**	**10.000**						
1	Bảo tồn, tôn tạo di tích Khu căn cứ khởi nghĩa Ba Đình (Hạng mục: Đền thờ các thủ lĩnh và nghĩa quân Ba Đình), huyện Nga Sơn.	399/NQ-HĐND ngày 26/4/2021	95.500	71.625	51.500		51.500	500	5.000		5.000	5.000					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nga Sơn	
2	Tu bổ, nâng cấp đê hữu sông Hoạt đoạn từ K27+700 đến K43+100, huyện Nga Sơn.	85/NQ-HĐND ngày 17/7/2021	166.300	81.000	64.800		64.800	500	5.000		5.000	5.000					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nga Sơn	
XII	**Huyện Hậu Lộc**		**231.419**	**136.000**	**108.800**		**108.800**	**1.950**	**20.000**		**20.000**	**20.000**						
1	Khu di tích lịch sử Trận địa Đông Ngàn và tượng đài trung đội dân quân gái xã Hoa Lộc, huyện Hậu Lộc.	378/NQ-HĐND ngày 06/12/2020	74.969	37.000	29.600		29.600	1.450	7.000		7.000	7.000					UBND huyện Hậu Lộc	
2	Tuyến đường giao thông nối Quốc lộ 10 (tại Km218+245) với đường Phạm Bành thị trấn Hậu Lộc (tại Km0+235), huyện Hậu Lộc.	77/NQ-HĐND ngày 17/7/2021	156.450	99.000	79.200		79.200	500	13.000		13.000	13.000					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hậu Lộc	
XIII	**Huyện Hoằng Hóa**		**200.000**	**67.500**	**54.000**		**54.000**	**500**	**15.000**		**15.000**	**15.000**						
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Thịnh - Đông, huyện Hoằng Hóa (giai đoạn 2).	75/NQ-HĐND ngày 17/7/2021	200.000	67.500	54.000		54.000	500	15.000		15.000	15.000					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hoằng Hóa	

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư; quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022			Số vốn năm 2022 điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2022 sau khi điều chỉnh			Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó: Vốn đầu tư công do tỉnh quản lý			Tổng số	*Trong đó:*		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Tổng số	*Trong đó:*			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:* Vốn ngân sách tỉnh		*Trong đó:* Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất (Điều tiết về ngân sách tỉnh)	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước			Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất (Điều tiết về ngân sách tỉnh)	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước				Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất (Điều tiết về ngân sách tỉnh)	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
XIV	**Huyện Như Thanh**		**403.000**	**200.500**	**152.400**	**119.500**	**32.900**	**1.000**	**20.000**	**15.000**	**5.000**	**20.000**						
1	Đường Bến En đi trung tâm thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh.	48/NQ-HĐND ngày 17/7/2021	358.000	160.000	120.000	119.500	500	500	15.000	15.000		15.000					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh	
2	Đường giao thông Phượng Nghi - Cán Khê, huyện Như Thanh.	49/NQ-HĐND ngày 17/7/2021	45.000	40.500	32.400		32.400	500	5.000		5.000	5.000					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh	
XV	**Huyện Như Xuân**		**90.000**	**90.000**	**72.000**		**72.000**	**500**	**15.000**		**15.000**	**15.000**						
1	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ thị trấn Yên Cát đi xã Tân Bình, huyện Như Xuân.	46/NQ-HĐND ngày 17/7/2021	90.000	90.000	72.000		72.000	500	15.000		15.000	15.000					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Xuân	
XVI	**Huyện Cẩm Thủy**		**257.899**	**180.000**	**121.500**		**121.500**	**1.000**	**20.000**		**20.000**	**20.000**						
1	Đường Đông Tây 3 nối từ đường tránh Tây Quốc lộ 217 đến đường Hồ Chí Minh và đường tránh Tây Quốc lộ 217 nối Quốc lộ 217, huyện Cẩm Thủy.	55/NQ-HĐND ngày 17/7/2021	200.899	135.000	108.000		108.000	500	11.000		11.000	11.000					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Cẩm Thủy	
2	Đường giao thông khu du lịch suối cá thần, xã Cẩm Lương, huyện Cẩm Thủy.	56/NQ-HĐND ngày 17/7/2021	57.000	45.000	13.500		13.500	500	9.000		9.000	9.000					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Cẩm Thủy	
XVII	**Huyện Lang Chánh**		**218.000**	**218.000**	**120.200**		**120.200**	**1.000**	**20.000**		**20.000**	**20.000**						
1	Kè chống sạt lở cục bộ kết hợp chỉnh trang phát triển đô thị, khai thác quỹ đất khu vực thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh.	110/NQ-HĐND ngày 17/7/2021	109.000	109.000	87.200		87.200	500	11.000		11.000	11.000					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lang Chánh	
2	Tuyến đường giao thông từ bản Giàng, xã Trí Nang đi thôn Bang, Giàng, Tìu, thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh nối với Quốc lộ 15A.	44/NQ-HĐND ngày 17/7/2021	109.000	109.000	33.000		33.000	500	9.000		9.000	9.000					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lang Chánh	
XVIII	**Huyện Bá Thước**		**213.600**	**144.000**	**115.200**		**115.200**	**500**	**15.000**		**15.000**	**15.000**						
1	Cầu trung tâm đô thị thị trấn Cành Nàng, huyện Bá Thước và đường nối đường tránh thị trấn Cành Nàng, huyện Bá Thước đi tỉnh lộ 523D, huyện Bá Thước	30/NQ-HĐND ngày 17/7/2021	213.600	144.000	115.200		115.200	500	15.000		15.000	15.000					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước	
XIX	**Huyện Quan Hóa**		**128.000**	**125.000**	**100.000**		**100.000**	**1.000**	**20.000**		**20.000**	**20.000**						
1	Đường nội thị trấn Hồi Xuân từ khu 1 đến khu 7, huyện Quan Hóa.	133/NQ-HĐND ngày 11/10/2021	68.000	65.000	52.000		52.000	500	10.000		10.000	10.000					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Hóa	
2	Đường giao thông từ xã Thành Sơn huyện Quan Hóa đi huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình.	131/NQ-HĐND ngày 11/10/2021	60.000	60.000	48.000		48.000	500	10.000		10.000	10.000					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Hóa	
XX	**Huyện Mường Lát**		**143.342**	**143.342**	**114.700**		**114.700**	**1.000**	**20.000**		**20.000**	**20.000**						
1	Nâng cấp tuyến đường giao thông từ bản Nà Ón đi bản Cò Cài, xã Trung Lý, huyện Mường Lát.	129/NQ-HĐND ngày 11/10/2021	110.000	110.000	88.000		88.000	500	13.000		13.000	13.000					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Mường Lát	
2	Nhà máy nước sạch huyện Mường Lát.	130/NQ-HĐND ngày 11/10/2021	33.342	33.342	26.700		26.700	500	7.000		7.000	7.000					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Mường Lát	

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư; quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022			Số vốn năm 2022 điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2022 sau khi điều chỉnh			Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó: Vốn đầu tư công do tỉnh quản lý			Tổng số	*Trong đó:*		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Tổng số	*Trong đó:*			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:* Vốn ngân sách tỉnh		*Trong đó:* Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất (Điều tiết về ngân sách tỉnh)	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước			Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất (Điều tiết về ngân sách tỉnh)	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước				Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất (Điều tiết về ngân sách tỉnh)	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
A.2	**CHI BỒI THƯỜNG GPMB VÀ ĐẦU TƯ HẠ TẦNG ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN KHAI THÁC QUỸ ĐẤT DO TỈNH QUẢN LÝ**				**500.000**	**500.000**			**200.000**	**200.000**		**158.919**		**41.081**	**41.081**			
B	**CÁC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH TĂNG KẾ HOẠCH NĂM 2022**		**2.601.935**	**2.323.186**	**1.422.000**	**1.032.000**	**390.000**	**709.725**	**292.450**	**290.000**	**2.450**		**520.419**	**812.869**	**574.919**	**237.950**		
1	Đường từ trung tâm thành phố Thanh Hóa nối với đường giao thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn.	865/QĐ-UBND ngày 09/3/2018; 4599/QĐ-UBND	1.484.970	1.484.970	720.000	720.000		702.675	200.000	200.000			284.919	484.919	484.919		Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa	
2	Đường nối Quốc lộ 1 với Quốc lộ 45 đoạn từ xã Hoằng Xuân, huyện Hoằng Hóa đến xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa (Km5+250-Km14+603).	308/NQ-HĐND ngày 21/9/2020; 76/NQ-HĐND ngày 17/7/2021; 3627/QĐ-UBND	1.116.965	838.216	702.000	312.000	390.000	7.050	92.450	90.000	2.450		235.500	327.950	90.000	237.950	Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thiệu Hóa	